



Quảng Ninh: Triển khai hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên nước

VŨ THỊ HOA

Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Ninh

Quảng Ninh là tỉnh được đánh giá có trữ lượng nước ở mức trung bình cao so với cả nước. Theo Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, hiện toàn tỉnh có 67 sông, suối nội tỉnh với 6 sông, suối nội tỉnh thuộc lưu vực sông lớn; 29 sông, suối nội tỉnh, thuộc lưu vực sông liên tỉnh độc lập và 32 sông, suối nội tỉnh; 176 hồ chứa nước đang hoạt động hoặc đang đầu tư xây dựng (dự kiến đưa vào hoạt động trong giai đoạn 2022 - 2025) với tổng dung tích hữu ích khoảng 323,12 triệu m³; trong đó có 27 hồ chứa thực hiện cấp nước đa chức năng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, khu công nghiệp, sinh hoạt, tổng dung tích hữu ích 257,43 triệu m³. Tổng năng lực thiết kế tưới 25.355,5 ha đất sản xuất nông nghiệp, cấp nước cho công nghiệp và sinh hoạt 79,814 triệu m³, nuôi trồng thủy sản 1.500 ha. Xác định bảo đảm an ninh nguồn nước là một trong những yếu tố quan trọng, góp phần phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân, những năm qua, tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp đảm bảo an ninh nguồn nước. Nhờ đó, công tác quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh đã dẫn đi vào nền nếp và đạt được những kết quả quan trọng, nhận thức của các cấp, ngành, tổ chức và cá nhân về tài nguyên nước từng bước được nâng lên.

Xác định được tầm quan trọng của tài nguyên nước trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong thời gian qua, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo trong lĩnh vực tài nguyên nước, đáng chú ý là Quyết định số 3594/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 về việc phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2010 - 2020, định hướng 2030; Quyết định số 5575/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 phê duyệt danh mục các nguồn nước nội tỉnh; danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; danh mục vùng cấm, vùng hạn chế, vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh... Bên cạnh đó, tỉnh cũng chủ động bố trí ngân sách địa phương để đầu tư cho các dự án quan trọng như: Dự án điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, đánh giá tài nguyên nước, xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước phục vụ công tác quản lý về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh. Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 26/9/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh "Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quản lý tài nguyên, BVMT, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước giai đoạn 2022 - 2030" đã tạo động lực mạnh mẽ để toàn tỉnh tiếp nối kết quả đạt được, có quan điểm tổng thể thực hiện công tác xây dựng và BVMT, bảo vệ an ninh nguồn nước.

Ngoài ra, thực hiện Nghị quyết Đại hội XV của Đảng bộ tỉnh, Quảng Ninh đang xây dựng Đề án "Đảm bảo an ninh nguồn nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030". Theo Đề án, dự kiến giai đoạn 2022 - 2025, tỉnh Quảng Ninh đầu tư xây dựng mới nhiều hồ chứa nước. Cụ thể, khu vực Tày TP. Hạ Long - TP. Uông Bí - thị xã Quảng Yên dự kiến đầu tư nâng công suất Nhà máy nước Hoàn Bồ thêm 10.000 m³/ngày đêm, xây dựng tuyến ống hòa mạng với mạng lưới cấp nước của Nhà máy nước Đồng Ho; khu vực huyện Ba Chẽ sẽ đầu tư xây dựng hồ Khe Tầm (dung tích 1,2 triệu m³); huyện Hải Hà sẽ đầu tư xây dựng, nâng cấp hồ Tài Chi (dung tích 7 triệu m³) và hồ Quảng Thành (dung tích 5 triệu m³); khu vực Cô Tô xây dựng hồ chứa nước C22 (dung tích 0,3 triệu m³); khu vực Vân Đồn hoàn thiện việc xây dựng hồ Đồng Động. Ngoài ra, khu vực phía Đông TP. Hạ Long và TP. Cẩm Phả đề xuất triển khai xây dựng Nhà máy sản xuất nước sạch từ nguồn nước thải mỏ khu vực Cẩm Phả. Mặt khác, để bảo đảm an toàn và phát huy hiệu quả các công trình hiện có giai đoạn này, tỉnh sẽ sửa chữa, nâng cấp 37 hồ chứa, 36 đập dâng, 5 trạm bơm với tổng nhu cầu kinh phí gần 1.000 tỷ đồng... Đặc biệt, tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện tích hợp Quy hoạch tài nguyên nước vào Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và đã được Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà ký phê duyệt tại Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/2/2023. Trong đó, tại Chương VII về phương án BVMT và đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng bảo vệ tài nguyên; phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu đã dành riêng một nội dung về Khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra. Cụ thể, Quảng Ninh ưu tiên phân bổ nguồn nước theo thứ tự: (1) Nhu cầu nước cho sinh hoạt; (2) Nhu cầu nước cho công nghiệp; (3) Nhu cầu sử dụng nước cho du lịch; dịch vụ; (4) Nhu cầu sử dụng nước cho thủy sản và các lĩnh vực khác. Cùng với đó, triển khai cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; Thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác và phòng ngừa, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước dưới đất; Xây dựng hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất; Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm từ các nguồn thải; Xây dựng các công trình phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn và tiêu úng như các trạm bơm, cống tiêu, nạo vét trục tiêu và triển khai đầu tư công trình đê điều, phòng chống lũ; Hoàn thiện, nâng cấp mạng lưới các trạm cảnh báo thiên tai hiện có... Có thể nói, những văn bản trên là tiền đề quan trọng góp phần đảm bảo an ninh nguồn nước, cũng như đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của người dân, nhất là vùng nông thôn, miền núi.

Là địa phương có nguồn tài nguyên nước dồi dào, việc BVMT nước đã và đang được thị xã Đông Triều cùng các cơ quan, đơn vị quyết liệt thực hiện. Theo báo cáo Quy



hoạch tài nguyên nước tỉnh Quảng Ninh, tổng lượng nước của thị xã là 439,63 triệu m³. Trên địa bàn thị xã có 28 hồ chứa với tổng dung tích là 33,75 triệu m³. Nguồn nước mặt cấp nước sinh hoạt được khai thác chủ yếu từ sông Trung Lương và hồ Bến Châu. Nguồn tài nguyên nước dồi dào đã đáp ứng tối đa đời sống sinh hoạt, tưới tiêu trong nông nghiệp, phục vụ sản xuất công nghiệp... của nhân dân trên địa bàn thị xã. Để bảo vệ nguồn tài nguyên nước, thị xã đã thực hiện nhiều giải pháp, trong đó, việc quản lý, sử dụng và bảo vệ nguồn nước thủy lợi được giao cho Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều. Hiện Công ty được giao quản lý khai thác 18 hồ đập vừa và nhỏ, với tổng dung tích trữ nước khoảng 35,8 triệu m³, hằng năm cung cấp nước tưới cho khoảng 6.200 ha đất sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Nhằm đảm bảo chất lượng nguồn nước phục vụ sản xuất, công ty ký hợp đồng với doanh nghiệp tư nhân FPD quan trắc, lấy mẫu nước theo định kỳ hằng quý để phân tích các chỉ tiêu chất lượng nước của 16 lưu vực hồ chứa nước và 1 lưu vực sông. Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Công ty sẽ xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí đối với việc lập hành lang bảo vệ và cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước 7 hồ chứa nước (giai đoạn 1 có 2 hồ); sửa chữa, nâng cấp, nạo vét các hệ thống công trình thủy lợi. Công ty cũng đẩy mạnh tuyên truyền cho nhân dân không xả thải, lấn chiếm kênh mương; tăng cường quản lý bảo vệ các công trình thủy lợi; nắm bắt các trường hợp vi phạm đổ, xả thải để nhắc nhở, báo cáo địa phương xử lý. Đồng thời, phối hợp với các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp có giải pháp ngăn cấm, xử lý những trường hợp vi phạm quy định bảo vệ nguồn nước.

Xuất phát từ nhu cầu cấp bách của người dân về nước sinh hoạt và nước sản xuất, năm 2019, huyện Ba Chẽ khởi công xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt, sản xuất tập trung cho 4 xã vùng cao là Lương Mông, Minh Cẩm, Đạp Thanh, Thanh Lâm. Công trình có tổng mức đầu tư 120 tỷ đồng, trong đó ngân sách tỉnh hỗ trợ 70%, còn lại do ngân sách huyện cân đối, bố trí. Công trình hoàn thành, đưa vào sử dụng năm 2021, đáp ứng nhu cầu về nước sinh hoạt cho khoảng 14.000 người dân của 4 xã, tạo nguồn nước tưới tiêu cho khoảng 70 ha lúa 2 vụ và 20 ha màu tại xã Lương Mông, giảm ngập lụt cho vùng hạ lưu, tạo cảnh quan du lịch sinh thái cho vùng dự án nói riêng, huyện Ba Chẽ nói chung...

Nhìn chung, công tác quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh bước đầu đạt được những kết quả quan trọng, tuy nhiên, những năm gần đây, tình có tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh với hàng loạt dự án lớn về hạ tầng giao thông, đô thị lớn được triển khai xây dựng, áp lực gia tăng dân số dẫn đến gia tăng nhu cầu sử dụng nước. Cùng với đó, trước những tác động ngày càng rõ rệt của biến đổi khí hậu, một số địa phương sẽ đối mặt với tình trạng không cân đối được nguồn nước tại chỗ cho các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thực tế những năm gần đây, tại một số địa phương đã xảy ra tình trạng hạn hán, thiếu nước làm ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt của người dân. Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh

Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cho biết, dự báo nhu cầu sử dụng nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đều tăng qua các năm, đến năm 2025 tăng gấp 1,4 lần so với hiện tại và đến năm 2030 sẽ tăng gấp 1,5 lần so với hiện tại. Nhu cầu sử dụng nước hiện tại: 431,28 triệu m³; Dự báo nhu cầu sử dụng nước đến năm 2025: 597,15 triệu m³/năm (thiếu 1,08 triệu m³/năm); Dự báo nhu cầu sử dụng nước đến năm 2030: 646,02 triệu m³/năm (thiếu 2,6 triệu m³/năm).

Để chủ động nguồn nước trong mọi tình huống, bảo đảm số lượng, chất lượng nước đáp ứng đủ nhu cầu nước của tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở cân đối nguồn nước tại chỗ, kết nối, liên kết nguồn nước giữa các huyện, thị xã, thành phố, vùng, miền, lưu vực sông, trong thời gian tới, tỉnh cần ưu tiên triển khai các công trình đảm bảo an ninh nguồn nước giai đoạn đến 2025, định hướng đến năm 2030 trên cơ sở rà soát, đánh giá tình hình cung cấp và sử dụng nước, tình hình khai thác nước ngầm của các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp trên địa bàn. Tiếp tục triển khai hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước trong đó bao gồm các điểm quan trắc nước mặt và các điểm quan trắc nước dưới đất. Đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng đối với công tác bảo vệ, khai thác, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên nước. Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước cũng cần quan tâm cả về bảo vệ nguồn sinh thủy, bằng cách duy trì và phát triển diện tích rừng đầu nguồn; kiểm soát các hoạt động phòng, chống ô nhiễm suy thoái, cạn kiệt các nguồn nước ngay từ khi triển khai đầu tư các dự án phát triển; hạn chế dẫn tình trạng sử dụng nước lãng phí, kém hiệu quả. Đối với các ngành công nghiệp sử dụng nhiều nước, như nhà máy xi măng, nhiệt điện, khai thác khoáng sản, các khu công nghiệp... cần tăng cường các giải pháp quản lý để khuyến khích các tổ chức, cá nhân ưu tiên tuần hoàn nguồn nước sau xử lý, hạn chế tải lượng xả thải ra môi trường nhằm giảm tải cho các công trình cấp nước tập trung■

Bảng 1. Nhu cầu nước hiện tại, năm 2025 và năm 2030

TT	Vùng	Nhu cầu nước (Triệu m ³)		
		Hiện tại	2025	2030
1	Đông Triều	84,34	99,11	100,94
2	Tây Hạ Long + Uông Bí + Quảng Yên	164,35	241,48	266,44
3	Đông Hạ Long + Cẩm Phả	53,72	66,67	72,29
4	Ba Chẽ	6,09	8,87	8,88
5	Tiên Yên + Bình Liêu	34,11	47,16	51,06
6	Đầm Hà	17,04	26,79	31,17
7	Hải Hà	33,1	47,5	48,94
8	Bắc Phong Sinh	1,08	1,34	1,28
9	Móng Cái	24,86	37,06	36,91
10	Vân Đồn	8,14	15,14	20,37
11	Khu vực 9 đảo	4,46	6,03	7,65
	Tổng	431,28	597,15	646,02

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

(Xem tiếp trang 65)



3. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP CẢI THIỆN Ô NHIỄM NƯỚC THẢI LÀNG NGHỀ

Thứ nhất, cần chú trọng đến các chính sách phát triển bền vững làng nghề. Sản xuất kinh doanh phải chú ý cải thiện và BVMT, không hy sinh lợi ích môi trường cho lợi ích kinh tế trước mắt. Nhanh chóng xây dựng, ban hành và áp dụng văn bản quy phạm pháp luật về BVMT làng nghề, trong đó cần quy định rõ trách nhiệm của địa phương, các ngành, lĩnh vực hoạt động làng nghề. Các làng nghề tiến hành xây dựng các quy định về vệ sinh, môi trường dưới dạng các quy định, hương ước, cam kết BVMT của địa phương; tăng cường hoạt động giám sát môi trường làng nghề và thực hiện kiểm kê nguồn thải; áp dụng công cụ kinh tế như phí BVMT đối với nước thải, khí thải, chất thải rắn.

Thứ hai, quy hoạch không gian làng nghề gắn với BVMT. Tiếp tục di dời các cơ sở gây ô nhiễm nặng ra khỏi khu vực dân cư. Quy hoạch tập trung theo cụm công nghiệp nhỏ cần tránh xa khu dân cư và quy hoạch đồng bộ mặt bằng sản xuất, cơ sở hạ tầng như đường giao thông, hệ thống cung cấp điện, nước, hệ thống thông tin, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn để xử lý tập trung. Quy hoạch khu vực sản xuất tùy thuộc vào đặc thù của các loại hình làng nghề như sản xuất gốm sứ, dệt nhuộm, tái chế giấy... Quy hoạch phân tán, sản xuất ngay tại hộ gia đình kết hợp điều kiện sản xuất với cải thiện vệ sinh môi trường mà không phải di dời, hạn chế tối đa việc coi nới, mở rộng đường, xây nhà cao tầng, lưu giữ khung cảnh sản xuất, tính cổ truyền nhân văn của làng để có thể kết hợp với du lịch.

Thứ ba, những cơ sở mở rộng sản xuất tại làng nghề phải thực hiện cam kết BVMT và đầu tư theo hướng công nghệ thân thiện với môi trường. Tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý chất thải tại làng nghề cần bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường Việt Nam hiện hành; công nghệ đơn giản, dễ vận hành, chuyển giao; vốn đầu tư, chi phí thấp, phù hợp với điều kiện sản xuất của làng nghề; ưu tiên công nghệ có khả năng tận thu, tái sử dụng chất thải. Khuyến khích các cơ sở sản xuất trong làng nghề áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn để vừa giảm lượng phát thải, vừa mang lại

hiệu quả kinh tế cao. Cho vay ưu đãi với lãi suất thấp đối với các chủ cơ sở áp dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến tạo ít chất thải.

Thứ tư, cần tăng cường thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý trường hợp phát sinh các làng nghề gây ô nhiễm môi trường. Yêu cầu các làng nghề triển khai áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm giảm thiểu ô nhiễm; xây dựng các lộ trình xử lý ô nhiễm và triển khai thực hiện theo đúng lộ trình được phê duyệt. Một số làng nghề gây ô nhiễm môi trường không chỉ trong phạm vi làng xã mà lan rộng ra cả một khu vực. Vì vậy, việc xử lý ô nhiễm không chỉ giới hạn trong phạm vi làng nghề mà cần phải xử lý cả khu vực đã bị ô nhiễm.

Thứ năm, khuyến khích các cơ sở sản xuất xử lý nước thải, khí thải, quản lý môi trường bằng cho vay ưu đãi hoặc giảm thuế. Đa dạng hóa các nguồn đầu tư và khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong BVMT làng nghề. Sự phát triển của làng nghề phải bảo đảm tính bền vững, hài hòa các mặt kinh tế - xã hội và BVMT. Do đó, một số loại hình làng nghề sẽ phát triển mạnh cả về số lượng và quy mô sản xuất, một số khác cần được hạn chế, không khuyến khích phát triển và một số hoạt động, công nghệ cần được nghiêm cấm triệt để. Thí dụ, hạn chế phát triển mới, mở rộng các cơ sở sản xuất tái chế chất thải nguy hại; nghiêm cấm sử dụng trong làng nghề những phương pháp sản xuất thủ công và thiết bị gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; hoặc sử dụng quặng có tính phóng xạ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ TN&MT (2009) Báo cáo Hiện trạng môi trường Quốc gia giai đoạn 2016 - 2020.
2. UBND huyện Yên Phong (2022), Dự thảo Đề án tổng thể xử lý môi trường làng nghề xã Văn Môn, huyện Yên Phong giai đoạn 2022 - 2026.
3. UBND tỉnh Hải Dương (2022) Báo cáo công tác BVMT tỉnh Hải Dương năm 2021.
4. Đặng Kim Chi (2022), Ô nhiễm tại các làng nghề Việt Nam và đề xuất giải pháp BVMT giai đoạn 2021 - 2025, Tạp chí Môi trường, số chuyên đề 1/2022.

Quảng Ninh: Triển khai hiệu quả công tác quản lý...

(Tiếp theo trang 62)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định số 3594/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 về việc phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2010 - 2020, định hướng 2030.
2. Quyết định số 5575/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 phê duyệt danh mục các nguồn nước nội tỉnh; danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; danh mục vùng cấm, vùng hạn chế, vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.
3. Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 26/9/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh "Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quản lý tài nguyên, BVMT, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước giai đoạn 2022 - 2030".
4. Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, UBND tỉnh Quảng Ninh, tháng 12/2022.
5. Văn bản số 22/TL ngày 16/1/2023 của Chi cục Thủy lợi, Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Ninh báo cáo nguồn nước 30 hồ chứa trong tỉnh đến ngày 15/1/2023.